TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31/12/2021
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình Xin ly hôn,về nuôi con chung* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn

Ông Phan Ngọc Lợi

- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- ***Đại diện Viện kiểm sá t nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên Tòa*** . Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 219/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2021 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình " Xin ly hôn, về nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 215/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2021, giữa;

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S**,** sinh năm: 1988; địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện G, tỉnh K (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1980; địa chỉ: khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2018 và trong quá trình xét xử , nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh N trước khi cưới có tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2006, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh K vào ngày 11/8/2006. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 06 năm thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn . Nguyên nhân, do không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau về tiền bạc, không tin tưởng nhau, đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, chị và anh N sống ly thân từ tháng 2/2021 cho đến nay.

Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc , hôn nhân không thể tiếp tục duy trì, nên chị xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 đứa con chung tên Nguyễn Ngọc Q.A, sinh ngày 01/5/2007, Nguyễn H.A, sinh ngày 23/8/2014, hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo biên bản xác minh ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đối với bà Huỳnh Thị K.O (đại diện chính quyền địa phương)

Trong quá trình chung sống vợ chồng S và N ở địa phương thường xuyên cãi nhau, thậm chí có xảy ra xô xát, gia đình hai bên và chính quyền địa phương cũng hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nguyên nhân, do N ham chơi, không quan tâm chăm sóc vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hiện chị S cương quyết xin ly hôn với N nên việc S và N đoàn tụ là rất khó.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy như sau:

Về hôn nhân: Chị S và anh N trước khi cưới có tìm hiểu trước và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do anh N không quan tâm chăm sóc vợ con đã nhiều lần hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, nay chị S cương quyết xin ly hôn xét thấy hôn nhân của chị S và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị S và anh N được ly hôn.

Về con chung: Cháu Nguyễn Ngọc Q.A và Nguyễn H.A nuôi dưỡng, kể từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, 02 cháu sống với chị S phát triển tốt về mặt thể chất tinh thần và chị cũng có công việc ổn định. Đề nghị Tòa án xem xét giao 02 cháu cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng do chị S có đủ điều kiện kinh tế và đảm bảo việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị S phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình " Xin ly hôn, về nuôi con chung" giữa chị và anh N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Anh N đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng anh N không làm bản tự khai, cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của anh N không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn N.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn N trước khi cưới nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh K vào ngày 11/8/2006 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, anh N không chịu làm ăn dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Đã nhiều lần gia đình hai bên, chính quyền can thiệp và hòa giải, vợ chồng tự hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả, anh chị sống ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay, giữa chị và anh N không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai lấy sống. Nay chị S thấy rằng mâu thuẫn giữa chị và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn với anh N. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

{2.2} Về con chung : Vợ chồng anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Q.A, sinh ngày 01/5/2007, Nguyễn H.A, sinh ngày 23/8/2014, hiện con đang sống với chị S, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý cho anh N nhưng anh N không thể hiện ý kiến về việc chị S xin được nuôi con chung của anh chị. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị S và anh N sống ly thân cho đến nay, 02 cháu sống với chị S, chị vẫn chăm sóc cho các cháu phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần , anh N không tới lui thăm nom chăm sóc con mà để mặc chị S nuôi con. Mặt khác, tại bản tự khai 02 cháu đều có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn xin được ở với mẹ, việc tự nguyện trên của hai cháu không bị ép buộc. Ngoài ra, xét về khả năng kinh tế tại phiên tòa hôm nay chị S xác định có thu nhập ổn định từ việc kinh doanh buôn bán nên đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dạy con. Cho nên, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn n hân và gia đình ; Xử giao cháu Q.A, H.A cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Chị S không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nên anh Nkhông phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ng có quyền đến thăm nom , chăm sóc , giáo dục con chung , không ai được quyền ngăn cản.

{2.3} Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

{2.4} Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị S phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm án phí mà S đã nộp theo biên lai

thu tiền số 2274 ngày 12/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị S đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân : Xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Ngọc Q.A, sinh ngày 01/5/2007, Nguyễn H.A, sinh ngày 23/8/2014 cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Chị S không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị S phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm án phí mà S đã nộp theo biên lai thu tiền số 2274 ngày 12/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị S đã nộp đủ.

Chị S và anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; chị Sương được tính kể ngày tuyên án (ngày 31/12/2021). Anh N được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận
- *TAND tỉnh*
- *VKSND tỉnh, huyện*
- *Chi cục thi hành án*
- *Đương sự*
- *UBND xã*
- *Lưu HS, VP*